

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 02 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Nhã L, sinh năm 2002; CCCD số 096302005760 cấp ngày 31/5/2021; Cư trú tại: Ấp A, xã Đ, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trương Ca T, sinh năm 1998; CCCD số 096098001640 cấp ngày 30/11/2022; Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2025 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/01/2026, nguyên đơn chị Ngô Nhã L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Nhã L và anh Trương Ca T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh T không tu chí làm ăn tạo thu nhập cho gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6 năm 2025 đến nay, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Chị L không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 05/10/2023. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con, yêu cầu

anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật (2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Ca T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về các nội dung khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Nhã L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trương Ca T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Nhã L và anh Trương Ca T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị L xác định, trong quá trình chung sống anh T không tu chí làm ăn tạo thu nhập cho gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6 năm 2025 đến nay, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Chị L không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn với anh T.

Về phía anh T, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh T không có mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu về hôn nhân của chị L, điều này cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị L.

Do chị L và anh T không còn sống chung; vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L và anh T ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có một người con chung tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 05/10/2023. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật (2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con thành niên.

Xét thấy, hiện cháu Quỳnh A đang sống chung với mẹ nên cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với mẹ; anh T không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung của chị

L; cháu Quỳnh A còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Quỳnh A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Quỳnh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Do anh T không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu Quỳnh A; phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh T cấp dưỡng cho cháu Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thành niên là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn và bị đơn anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Nhã L.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Nhã L và anh Trương Ca T.

- Về con chung: Giao cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày 05/10/2023 cho chị Ngô Nhã L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trương Ca T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quỳnh A mà không ai được cản trở; anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Quỳnh A được sống chung với chị L; buộc anh T cấp dưỡng cho cháu Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Ngô Nhã L phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 17/11/2025 chị L đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004677 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Anh Trương Ca T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Ngô Nhã L và bị đơn anh Trương Ca T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Đường sự;
- UBND xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà